

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 235/2024/HC-ST
Ngày 19-9-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tôn Thọ Nuôi
- Ông Đinh Công Khanh

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 01 năm 2024 và ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28/12/2023 và Quyết định mở lại phiên tòa giải quyết vụ án số 06/2024/QĐST-HC ngày 10/9/2024, giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Phan Văn M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

1.3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phan Văn H, sinh năm 1960. *Địa chỉ:* số F ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Ngọc C1 – Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: số C, đường số F, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện Đ: ông Hồ Phương B – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh L: ông Phạm Vũ T – Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh L.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thành P – Q.Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Minh H1 – Phó Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S trình bày trong đơn khởi kiện ghi ngày 23/11/2022 và trong quá trình tố tụng như sau:

Qua kết quả thẩm tra xác minh đề ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của UBND huyện Đ cho thấy một phần thửa đất 28, tờ bản đồ số 11 được quản lý và sử dụng bởi ba hộ dân: hộ ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S. Ba hộ dân quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, mặc dù chưa có hồ sơ pháp lý. Theo quy định của pháp luật có thể lập và xin cấp hồ sơ pháp lý hợp pháp do không có tranh chấp và trước ngày 15/10/1993. Việc UBND huyện Đ bác yêu cầu khiếu nại của các ông, không xem xét việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật hiện hành; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông.

UBND tỉnh L có kết quả xác minh lấy từ cơ sở của UBND huyện Đ để ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 cũng thừa nhận rằng một phần thửa đất 28, tờ bản đồ số 11 được quản lý và sử dụng bởi ba hộ dân: hộ ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S. Các ông quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay theo Công văn số 188/BC-UBND ngày 11/10/2012 của UBND xã A. Theo luật hoàn toàn đủ điều kiện lập xin cấp hồ sơ pháp lý do không có tranh chấp và trước 15/10/1993.

Việc UBND tỉnh L bác yêu cầu khiếu nại của các ông, không xem xét việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật hiện hành ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông.

Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết:

1. Hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ có ý kiến tại Văn bản số 8306/UBND-NC ngày 10 tháng 7 năm 2023 như sau:

1. Ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S yêu cầu hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L.

1.1. Vấn đề việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S yêu cầu hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ có ý kiến như sau:

Trước năm 1990, phần đất mà hiện nay các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S kiến nghị xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc xã H, nay thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ số 11 xã A.

Căn cứ Nghị quyết của Thường vụ Huyện ủy về khai thác hết vùng đất bung hoang của huyện Đ. Năm 1986, UBND huyện Đ có Quyết định số 33/QĐ.UB.86 về việc cấp khu đất bung hoang cho UBND xã H với diện tích 63.162m², có tứ cận: phía Đông giáp K, phía Tây giáp đất Nguyễn Văn L, phía Nam tiếp giáp đất Nguyễn Văn D, phía Bắc giáp Kinh T.

Sau khi được UBND huyện cấp khu đất nêu trên, ngày 12/8/1986, UBND xã H ký hợp đồng với ông Võ Quan H2 cho thuê trồng bạch đàn với thời gian 20 năm (kể từ tháng 12/1986) nhưng do canh tác không hiệu quả nên đến năm 1992 ông H2 không còn quản lý, sử dụng khu đất trên nên 03 hộ dân là ông Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C vào lấn chiếm canh tác, sử dụng.

Ngày 19/5/2010, Ban chỉ huy quân sự huyện có Công văn số 72/QSĐH về việc xin cấp đất xây dựng thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang với tổng diện tích 62.625m² thuộc thửa 24, 28 tờ bản đồ số 11 xã A.

Ngày 26/5/2010, Huyện ủy Đ có Văn bản số 1767-CV/HU thống nhất đồng ý theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự huyện, giao Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các thủ tục giao đất.

Ngày 24/3/2011, UBND xã A tiến hành lập Biên bản về việc thông báo cho 03 hộ dân gồm hộ ông Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C số đất mà 03 hộ đang canh tác là đất công, đã được giao lại cho Ban Q1 làm thao trường huấn luyện, đề nghị 03 hộ chấp hành chủ trương của Đảng và Nhà nước, không được sản xuất trên phần đất công này. Ý kiến của 03 hộ dân: đồng ý trả số đất công này lại cho Nhà nước nhưng kiến nghị yêu cầu xem xét hỗ trợ công khai phá.

Đến ngày 04/10/2011, **Sở T2** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho **Ban chỉ huy quân sự huyện Đ** với tổng diện tích 60.813m² tại thửa đất số 28 tờ bản đồ số 11 (được hợp thửa từ thửa 28 diện tích 41.098m² và thửa 44 diện tích 21.523m²) đất tọa lạc **xã A**.

Ngày 31/5/2012, **UBND xã A** tiến hành lập Biên bản về việc yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất đã được giao lại cho **Ban Q1**. Nếu vẫn tiếp tục canh tác sản xuất thì **UBND xã A** sẽ xử lý theo quy định pháp luật. Ý kiến của 03 hộ dân:

- Ông **Phan Văn M**: không đồng ý ngưng sản xuất vì UBND huyện chưa hỗ trợ công khai phá.

- Ông **Nguyễn Văn C**: đồng ý ngưng sản xuất, giao đất lại cho **Ban Q1**.

- Ông **Nguyễn Văn S**: đồng ý ngưng sản xuất nếu Nhà nước hỗ trợ công khai phá.

Ngày 05/10/2012, **UBND huyện Đ** có Thông báo số 2991/TB-UBND kết luận cuộc họp giải quyết đất thao trường Ban chỉ huy Quân sự huyện trên địa bàn **xã A**, trong đó có nội dung: “*Thống nhất theo ý kiến đề xuất của các ngành là chỉ xem xét hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, không bồi thường quyền sử dụng đất. Nhưng để có cơ sở xem xét hỗ trợ, UBND huyện chỉ đạo: Giao **UBND xã A** có Văn bản xác nhận thời gian canh tác, sản xuất của hộ dân. **Phòng T** cũng cố lại hồ sơ, khẳng định các hộ dân đồng ý đề nghị nhà nước hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, không yêu cầu nhà nước bồi thường quyền sử dụng đất. Sao khi có văn bản báo cáo của **UBND xã A** và **phòng T**, giao Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp các ngành liên quan tiến hành kê biên thực địa tài sản trên đất, khi kê biên đề nghị hộ dân tự kê khai tài sản trước, đồng thời yêu cầu hộ dân ngừng sản xuất*”.

Ngày 11/10/2012, **UBND xã A** có Văn bản số 188/BC-UBND nội dung: “*Qua xác minh các hộ dân sử dụng đất kế cận và các lão nông tri điền **ấp H xã A** thì nguồn gốc đất là do **UBND xã H** cấp cho các hộ dân nghèo (trước đây **ấp H** là của **xã H**) mỗi hộ khoảng 0,5ha để canh tác nhưng sau đó do canh tác không hiệu quả nên để hoang, vào năm 1986 **UBND xã H** mới hợp đồng với ông **Võ Quan H2** trồng bạch đàn với thời gian là 20 năm nhưng do không hiệu quả nên đến năm 1992 do ông **H2** không còn trông coi khu đất trên nên ba hộ dân là **Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C** vào khai hoang và canh tác đến nay. Nay **UBND xã A** xác nhận thời gian canh tác của các hộ dân là khoảng năm 1992 đến nay đề nghị **UBND huyện Đ** cho ý kiến chỉ đạo.*”

Ngày 17/10/2012, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp **UBND xã A** hướng dẫn 03 hộ dân kê khai tài sản trên đất tại thửa 44 tờ bản đồ 11 (thuộc một phần thửa 28 tờ bản đồ 11), đất tọa lạc **ấp H, xã A**. Ý kiến của 03 hộ dân: không đồng ý kê khai, hiện đang có đơn gửi UBND huyện kiến nghị yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/03/2020, các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đang sử dụng.

Ngày 15/6/2020, Chủ tịch UBND huyện Đ có Văn bản số 7611/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, đất tọa lạc xã A.

Ngày 30/6/2020, các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S tiếp tục có đơn kiến nghị UBND huyện Đ xem xét lại nội dung Công văn số 7611/UBND-TCD ngày 15/06/2020 của Chủ tịch U về việc trả lời đơn của công dân. Bởi vì 03 hộ dân là những người canh tác, sản xuất và sử dụng ổn định một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 60813m² từ năm 1992 đến nay không vi phạm, không tranh chấp với ai.

Ngày 18/9/2020, UBND huyện Đ cáo Văn bản số 11280/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S, đất tọa lạc xã A.

Ngày 30/9/2020, các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S có đơn khiếu nại Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 và Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020.

Ngày 12/7/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S. Địa chỉ: xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Như vậy, việc UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 là đúng trình tự thủ tục quy định pháp luật.

1.2. Vấn đề việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S yêu cầu hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L có ý kiến như sau:

Đối với vấn đề này, Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị Tòa án liên hệ UBND tỉnh L để được phúc đáp.

2. Quan điểm của UBND huyện Đ: Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có ý kiến tại Công văn 4954/UBND-NCTCD ngày 08/6/2023 như sau:

Chủ tịch UBND tỉnh nhận được Thông báo số 132/2023/TLST-HC ngày 10/5/2023 của TAND tỉnh Long An về việc thụ lý vụ án “**Khiếu kiện quyết định hành chính**” của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S; trong đơn khởi kiện có yêu cầu TAND tỉnh Long An hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S.

Về nội dung này, căn cứ tham mưu tại Tờ trình số 4108/STNMT-TTr ngày 05/6/2023 của Sở T2, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Nội dung khiếu nại

Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S khiếu nại Quyết định số 7671/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông.

2. Kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu

Giữ nguyên Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của công dân.

Bác đơn khiếu nại của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S đối với Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn của công dân.

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở pháp lý xem xét giải quyết.

3. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

Gốc đất hoang hóa do Nhà nước quản lý; tháng 8 năm 1986, UBND huyện Đ có Quyết định số 33/QĐ.UB.86 về việc cấp khu đất bung hoang cho UBND xã H (nay là xã A) với diện tích 63.162m². Diện tích theo bản đồ địa chính hiện nay là 62.625m², gồm: thửa số 44, diện tích 21.527m² và thửa số 28 diện tích 41.098m², tờ bản đồ số 11, xã A, huyện Đ.

Ngày 12/8/1986, UBND xã H ký hợp đồng với ông Võ Quan H2 trông bịch đàn với thời gian 20 năm (kể từ tháng 12/1986); do canh tác không hiệu quả, nên năm 1992, ông H2 không còn quản lý, sử dụng khu đất trên. Sau đó, 03 hộ dân trong khu vực đến sử dụng đất, trong đó: ông Phan Văn M diện tích khoảng 1,2ha, ông Nguyễn Văn S diện tích khoảng 0,5ha và ông Nguyễn Văn C diện tích khoảng 0,5ha.

Ngày 19/5/2010, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ có Công văn số 72/QSĐH về việc xin cấp đất xây dựng thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang với tổng diện tích 62.625m².

Ngày 26/5/2010, Huyện ủy Đ có Văn bản số 1767-CV/HU thống nhất đồng ý theo đề nghị của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, giao UBND huyện thực hiện các thủ tục giao đất.

Ngày 24/3/2011, UBND xã A làm việc các ông: Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C đề nghị trả lại đất cho Nhà nước quản lý, 03 hộ đồng ý trả đất, nhưng yêu cầu xem xét hỗ trợ công khai phá.

Ngày 20/9/2011, UBND tỉnh có Quyết định số 2941/QĐ-UBND giao diện tích 60.813m² cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ để sử dụng vào mục đích xây dựng thao trường huấn luyện dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Ngày 04/10/2011, Sở T2 cấp Giấy CNQSD đất cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ với tổng diện tích 60.813m², tại thửa số 28, tờ bản đồ số 11 (được hợp thửa từ thửa 28 và thửa 44); đất tọa lạc xã A, huyện Đ.

Ngày 31/5/2012, UBND xã A lập biên bản yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất đã được giao lại cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện, nhưng các hộ không đồng ý và tiếp tục sử dụng đất.

Ngày 05/10/2012, UBND huyện Đ có Thông báo số 2991/TB-UBND kết luận cuộc họp giải quyết đất thao trường Ban Chỉ huy Quân sự huyện trên địa bàn xã A, giao UBND xã A có văn bản xác nhận thời gian canh tác, sản xuất của hộ dân.

Ngày 11/10/2012, UBND xã A có Văn bản số 188/BC-UBND nội dung:

“Qua xác minh các hộ dân sử dụng đất kế cận và các lão nông tri điền ấp H xã A, g thì nguồn gốc đất do UBND xã H cấp cho các hộ dân nghèo (trước đây ấp H là của xã H) mỗi hộ khoảng 0,5ha để canh tác, nhưng sau đó do canh tác không hiệu quả nên để hoang, vào năm 1986 UBND xã H với ông Võ Quan H2 trông bịch đàn với thời gian là 20 năm nhưng do không hiệu quả; nên đến năm 1992, do ông H2 không còn trông coi khu đất trên nên ba hộ dân là Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C vào khai hoang và canh tác đến nay. Nay, UBND xã A xác nhận thời gian canh tác của các hộ dân là khoảng năm 1992 đến nay, đề nghị UBND huyện Đ cho ý kiến chỉ đạo”.

Ngày 04/5/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ chủ trì, phối hợp UBND xã A và các phòng, ban liên quan đối thoại với các hộ dân, qua đối thoại 03 hộ đề nghị nhà nước bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Ngày 30/02/2020, các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S có đơn xin cấp Giấy CNQSD phần đất đang sử dụng

4. Quá trình giải quyết

Ngày 15/6/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 7611/UBND-TCD trả lời đơn của các hộ như sau:

“Việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S xin đăng ký cấp Giấy CNQSD đất tại một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, xã A là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Lý do: Thửa số 28, tờ bản đồ số 11, diện tích 60.813m² đã được UBND tỉnh L giao đất và được Sở T2 cấp Giấy CNQSD đất cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ năm 2011”.

Ngày 18/9/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 11280/UBND-TCD trả lời đơn của các hộ dân như sau:

“Việc ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S kiến nghị xin đăng ký cấp Giấy CNQSD đất tại một phần thửa số 28, tờ bản đồ số 11, xã A, huyện Đ, tỉnh

Long An đã được Chủ tịch **UBND huyện Đ** trả lời tại Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 về việc trả lời đơn của công dân. Vì vậy, **UBND huyện Đ** không xem xét đối với nội dung đơn của các ông”.

Ngày 05/10/2020, **UBND huyện Đ** nhận được đơn của các ông: **Phan Văn M**, **Nguyễn Văn C** và **Nguyễn Văn S** khiếu nại Công văn số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Công văn số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của **UBND huyện Đ**.

Ngày 12/7/2021, Chủ tịch **UBND huyện Đ** có Quyết định số 7671/QĐ-UBND với nội dung:

“Giữ nguyên Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch **UBND huyện Đ** về việc trả lời đơn của công dân.

Bác đơn khiếu nại của ông **Phan Văn M**, **Nguyễn Văn C**, **Nguyễn Văn S** đối với Văn bản số 7611/UBND-TCD ngày 15/6/2020 và Văn bản số 11280/UBND-TCD ngày 18/9/2020 của Chủ tịch **UBND huyện Đ** về việc trả lời đơn của công dân.

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở pháp lý xem xét giải quyết”.

Các hộ nhận quyết định của Chủ tịch **UBND huyện Đ** và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S** cung cấp 02 giấy xác nhận, gồm: Giấy xác nhận lập ngày 11/6/2012 của bà **Trương Thị C2**, **N** Bí thư xã **H** năm 1986 và Giấy xác nhận của ông **Lê Văn N1** lập ngày 11/6/2012 với nội dung: Trước đây, xã **H** cấp đất cho 03 hộ, gồm: Ông **Trần Văn T1** và con là ông **Trần Văn L1** diện tích 1,2ha; bà **Nguyễn Thị S1** là con ông **Nguyễn Văn S** diện tích 0,5ha; ông **Nguyễn Văn C** diện tích 0,5ha.

Qua kiểm tra hồ sơ, không có giấy tờ **UBND xã H** cấp đất cho các hộ sử dụng (thời điểm năm 1980) như lời trình bày của 03 hộ dân.

- Kết quả đối thoại

Ngày 29/4/2022, **Sở T2** được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền đối thoại với các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S**; qua đối thoại các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S** không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc khiếu nại của mình là đúng.

- Kết luận

Các ông: **Phan Văn M**, **Nguyễn Văn C** và **Nguyễn Văn S** khiếu nại Quyết định số 7671/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch **UBND huyện Đ** là không có cơ sở để xem xét giải quyết (Khiếu nại sai), bởi vì:

Đất hoang hóa do Nhà nước quản lý; năm 1986, **UBND huyện Đ** đã cấp cho **UBND xã H** (nay là xã **A**); cùng năm 1986, **UBND xã H** trồng cây với ông **Võ Quan H2**, do canh tác không hiệu quả nên năm 1992 ông **H2** không sử dụng đất. Năm 2011, UBND tỉnh đã giao đất cho **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ**. Tuy nhiên, năm

1992 các hộ dân đến sử dụng một phần diện tích đất đến nay, gồm: Ông **Phan Văn M** sử dụng phần đất diện tích 1,2ha, ông **Nguyễn Văn C** sử dụng phần đất diện tích 0,5ha và ông **Nguyễn Văn S** sử dụng phần đất diện tích 0,5ha.

Các hộ trình bày đất nhà nước cấp cho các hộ, nhưng không có giấy tờ chứng minh. Mặc khác, phần đất này hiện đã quy hoạch đất Quốc phòng, do **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ** quản lý. Do đó, các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S** khiếu nại xin được cấp Giấy CNQSD đất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình quản lý Nhà nước về đất đai, kết quả xác minh nội dung khiếu nại của các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S**; ngày 16/8/2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S**, với nội dung:

“Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 7671/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông: Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S; đất tọa lạc xã A, huyện Đ là đúng quy định pháp luật.

Bác đơn khiếu nại của các ông: Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S, lý do: Đất huyện Đ giao UBND xã H (nay là xã A) sử dụng từ năm 1986. Năm 2011, UBND tỉnh giao Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ sử dụng vào mục đích xây dựng thao trường huấn luyện dự bị động viên và dân quân tự vệ. Năm 1992, các ông: Phan Văn M, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S đến sử dụng một phần diện tích đất để trồng lúa. Vì vậy, các hộ xin cấp Giấy CNQSD đất là không có cơ sở xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 về trường hợp sử dụng đất được cấp Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

5. Quan điểm giải quyết

Từ nhận xét và kết quả giải quyết nêu trên, Chủ tịch **UBND tỉnh L** khẳng định Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S** là đúng quy định pháp luật và có giá trị thi hành.

Đề nghị TAND tỉnh Long An xem xét bác đơn khởi kiện của ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn S** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch **UBND tỉnh L**.

Ngày 10/5/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại phiên toà,

Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Phía Ủy ban đưa ra căn cứ để không cấp cho người sử dụng đất ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S là đất đã cấp cho BCH Quân sự huyện Đ là không đúng. Những người khởi kiện này đã sử dụng đất lâu dài, ổn định, trường hợp muốn cấp cho BCH quân sự huyện phải có quyết định thu hồi. Hơn nữa, BCH Quân sự huyện đã trả đất lại cho Ủy ban thì lý do không cấp đã không còn. Việc sử dụng đất có xác nhận của những người giữ nhiệm vụ lãnh đạo ở địa phương lúc bấy giờ như ông Lê Bá N2, Q Chủ tịch UBND huyện Đ; bà Trương Thị C2, nguyên Bí thư xã H; bà Lê Thị N3, Phó Chủ tịch Nông nghiệp xã H. Do đó có đủ căn cứ xác định những người này đã sử dụng đất lâu dài, ổn định.

Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện tranh luận: phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện xác định Biên bản xác nhận ranh giới mốc giới ngày 24/5/2013 là đúng và M1 Trích đo địa chính ngày 18/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ là đúng theo thực tế. Vậy thửa đất những người khởi kiện yêu cầu cấp là thửa 28 nhưng theo trích đo là thửa 44 cho nên Ủy ban nhân dân huyện trả lời đã cấp cho BCH Quân sự là không chính xác. Phía người bị kiện trình bày thửa 28 xác nhập thửa 44 nhưng người dân thì không biết được điều này. Mặt khác, yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện là trước năm 2022 nhưng đến năm 2022 mới trở thành khu dự án Đầu tư Xây dựng-Kinh doanh kết cấu hạ tầng L - theo xác nhận của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện. Về nguyên tắc BCHQS huyện đã trả đất thì không thể đưa lý do đã cấp nên không cấp.

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 22 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ trừ mục đích an ninh quốc phòng, đất không tranh chấp phải được cấp.

Về trình tự thủ tục, UBND huyện Đ căn cứ Biên bản đối thoại ngày 29/4/2021 để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là không đảm bảo quy định.

Đại diện cho người khởi kiện, ông Phan Văn H bổ sung: Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L không đúng quy định của pháp luật. Theo Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 47 của Chính phủ thì đất không tranh chấp, sử dụng ổn định lâu dài phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Mảnh Trích đo địa chính số 119-24 ngày 18/9/2024 hai thửa 28 và 44 là hoàn toàn khác nhau.

Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy các quyết định của Ủy ban về việc bác yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người khởi kiện là ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phát biểu: Phía Ủy ban nhân dân huyện đã có văn bản trình

bày ý kiến về yêu cầu của những người khởi kiện nhưng tại phiên tòa muốn trình bày ngắn gọn như sau: nguồn gốc thửa đất phía người khởi kiện yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G cho địa phương thực hiện chủ trương khai hoang. Ủy ban nhân dân xã đã hợp đồng giao cho ông Võ Quan H2 trông bịch đàn thời gian 20 năm. Ông H2 sử dụng không hiệu quả nên bỏ không quản lý. Những người khởi kiện đến chiếm dụng sử dụng. Thửa đất này ban đầu là thửa 28 sau đó hợp với thửa 44. Việc hợp thửa là theo quy định của địa chính về quản lý đất đai. Nói cho chính xác không phải không cấp cho các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S là vì đã cấp cho BCH QS huyện mà vì đất công do Nhà nước quản lý. Người sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp nên không cấp. Các văn bản của Ủy ban nhân dân huyện cũng đã trả lời cho người khởi kiện biết.

Đối với Biên bản xác nhận ranh giới mốc giới ngày 24/5/2013 là đúng và M1 Trích đo địa chính ngày 18/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ là đúng theo thực tế. Trong Mạnh Trích đo không thể hiện thửa 28 là vì thửa 28 đã nhập vào thửa 44. Phía Ủy ban khẳng định không phải có dự án nên không cấp mà là đất công. Những người dân chiếm dụng sử dụng đất công do địa phương quản lý thì không phải ra quyết định thu hồi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày: phía Ủy ban tỉnh đã có văn bản nêu quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không lặp lại. Phía Chủ tịch UBND tỉnh L xác định về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật. Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng biên bản đối thoại ngày 29/4/2021 chưa đảm bảo để ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nên việc ra quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng quy định. Chủ tịch UBND huyện Đ giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân xã A và các ban ngành xác minh làm rõ kiến nghị của những người khởi kiện về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 không có gì sai. Sau khi xác minh thấy nội dung không khác so với báo cáo của địa phương xã, huyện nên việc Ủy ban nhân dân huyện không tổ chức đối thoại lại không sai. Hơn nữa sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ người khởi kiện đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh và nay kiện ra Tòa án đang được Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thụ lý, quan hệ khiếu kiện, thẩm quyền đúng theo Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo; chuyển hồ sơ cho Viện

kiểm sát nghiên cứu và thời gian giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về thời hiệu: Ngày 12/7/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ra Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S. Ngày 23/5/2023 ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính thời hiệu đảm bảo.

Về nội dung:

Góc đất hoang Nhà nước quản lý,

Tháng 8/1986, UBND huyện Đ có Quyết định cấp khu đất bung hoang cho UBND xã H (nay là xã A) với diện tích 63.162m². Diện tích theo bản đồ địa chính hiện nay là 62.625m², gồm thửa 44, diện tích 21.527m² và thửa số 28 diện tích 41.098m², tờ bản đồ số 11, xã A, huyện Đ.

Ngày 12/8/1986, UBND xã H ký hợp đồng với ông Võ Quan H2 trông bịch đàn thời gian 20 năm đến năm 1992, do canh tác không hiệu quả, nên ông H2 không còn quản lý, sử dụng, 03 hộ dân trong khu vực đến sử dụng đất gồm, ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn C.

Ngày 26/5/2010, Huyện ủy Đ có Văn bản số 1767-CV/HU thống nhất đồng ý theo đề nghị của Ban Chỉ huy Quân sự huyện, giao UBND huyện thực hiện các thủ tục giao đất.

Ngày 24/3/2011, UBND xã A làm việc các ông: Phan Văn M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C đề nghị trả lại đất cho Nhà nước quản lý, 03 hộ đồng ý trả đất, nhưng yêu cầu xem xét hỗ trợ công khai phá.

Ngày 20/9/2011, UBND tỉnh có Quyết định số 2941/QĐ-UBND giao diện tích 60.813m² cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ. Ngày 04/10/2011, Sở T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho BCH QS huyện Đ với tổng diện tích 60.813m², tại thửa số 28, tờ bản đồ số 11 (được hợp thửa từ thửa 28 và thửa 44); đất tọa lạc xã A, huyện Đ.

Ngày 31/5/2012, UBND xã A lập biên bản yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất đã được giao lại cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện, nhưng các hộ không đồng ý và tiếp tục sử dụng đất.

Ngày 05/10/2012, UBND huyện Đ có Thông báo số 2991/TB-UBND kết luận cuộc họp giải quyết đất thao trường Ban Chỉ huy Quân sự huyện trên địa bàn

xã A, giao UBND xã A có văn bản xác nhận thời gian canh tác, sản xuất của hộ dân.

Ngày 11/10/2012, UBND xã A có Văn bản số 188/BC-UBND nội dung: đề nghị UBND huyện Đ cho ý kiến chỉ đạo.

Ngày 04/5/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ chủ trì, phối hợp UBND xã A và các phòng, ban liên quan đối thoại với các hộ dân, qua đối thoại 03 hộ đề nghị nhà nước bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

Ngày 30/02/2020, các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang sử dụng

Ngày 12/7/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số 7671/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần một.

Ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có Quyết định số 7521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với các ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S về việc xin cấp quyền sử dụng đất.

Thấy rằng nguồn gốc đất hoang do Nhà nước quản lý. Ủy ban nhân dân huyện giao cho UBND xã quản lý. Ủy ban xã hợp đồng với ông H2 trồng bạch đàn. Sau khi ông H2 bỏ không quản lý các ông M, Chúa, S vào canh tác. Việc sử dụng đất của các ông không được chính quyền chấp nhận đã làm việc và yêu cầu ngưng sản xuất. Người khởi kiện đưa ra các chứng cứ là xác nhận của những người biết sự việc các ông khai hoang nhưng qua xác minh không có việc khai hoang. Do những người khởi kiện không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013, đất công do Nhà nước quản lý Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G1 không đồng ý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở. Từ đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B1 khiếu nại giữ nguyên quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L3 có căn cứ. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 luật tố tụng hành chính năm 2015 bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Người khởi kiện thuộc người cao tuổi thì được miễn án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi xét xử Ông Phan Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần một; Hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với các ông về việc xin cấp quyền sử dụng đất. Đây là yêu cầu hủy quyết

định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai, đối tượng khởi kiện vụ án hành chính quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[2] Thời hiệu

Ngày 12/7/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S.

Ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ra Quyết định số 7521/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S.

Ngày 23/5/2023 ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khởi kiện ra Tòa án.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, Tòa án xác định trong thời hiệu.

[3] Về tư cách tố tụng

Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khởi kiện Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L nên xác định ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S là người khởi kiện; Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L là người bị kiện; UBND huyện Đ được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người khởi kiện ủy quyền đúng thủ tục được chấp nhận.

[4] Đối thoại và công khai chứng cứ

Phía người bị kiện có người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không đối thoại được; tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Mặc dù người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại nhưng có yêu đo đạc nên Tòa án chấp nhận.

[5] Xét xử vắng mặt đương sự

Đương sự người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng Hành chính 2015 Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện

Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại.

Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S yêu cầu UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông diện tích đất thuộc thửa số 28 tại xã A, huyện Đ.

[7] Nhận thấy:

[7.1] Ngày 12/7/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số 7671/QĐ-CT trả lời đơn không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28, chưa có hồ sơ tại xã A.

[7.2] Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S khiếu nại.

[7.3] Ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 7521/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S về việc giữ nguyên Quyết định số 7671/QĐ-CT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A. Lý do là đất do Nhà nước quản lý, đã cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự.

[8] Theo Biên bản thẩm định ngày 12/12/2023, hiện trạng đất là đất để trồng lúa. Đang chờ đến vụ. Xung quanh đất có bờ ranh để phân biệt với các bên được xác định bởi trụ bê tông. Giữa các diện tích đất có bờ ranh. Phần đất ông sử dụng có hình L; Trên đất ông S sử dụng có một trụ điện kéo ngang các phần đất. Ngoài ra, không có vật kiến trúc hay công trình gì khác. Các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

[9] Theo Mảnh Trích đo địa chính số 119 – 2024 duyệt ngày 18/9/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ, thửa đất yêu cầu xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 44, tờ bản đồ số 11; thửa mới là 12, 22, 17, 21, 27, 41 và 156, tờ bản đồ số 13. Diện tích đất nằm trong dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp L đã kê biên. Ông Phan Văn M sử dụng số thứ tự 4, 5, 6, 7, 8; Ông Nguyễn Văn C sử dụng số thứ tự 1,2; Ông Nguyễn Văn S sử dụng số thứ tự 3.

[9.1] Các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất các ông đang quản lý sử dụng. Các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S cho rằng diện tích đất này có nguồn gốc do các ông khai hoang mà có. Đồng thời các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S cung cấp 02 giấy xác nhận, gồm: Giấy xác nhận lập ngày 11/6/2012 của bà Trương Thị C2, N Bí thư xã H năm 1986 và Giấy xác nhận của ông Lê Văn N1 lập ngày 11/6/2012 với nội dung: Trước đây, xã H cấp đất cho 03 hộ, gồm: Ông Trần Văn T1 và con là ông Trần Văn L1 diện tích 1,2ha; bà Nguyễn Thị S1 là con ông Nguyễn Văn S diện tích 0,5ha; ông Nguyễn Văn C diện tích 0,5ha. Tuy nhiên, nội dung xác nhận đã được kiểm tra hồ sơ, không có giấy tờ UBND xã H cấp đất cho các hộ sử dụng năm 1980 như lời

trình bày của người khởi kiện. Người khởi kiện cũng không đưa ra được chứng cứ gì khác chứng minh trong khi Ủy ban nhân dân đưa ra được đất này có hợp đồng giao cho ông **Võ Quan H2** thuê trồng bạch đàn.

[9.2] Điều 4 Luật đất đai năm 2013 quy định: đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện sở hữu và thống nhất quản lý nên dù UBND không trực tiếp sử dụng nhưng theo nghĩa rộng vẫn là thuộc quyền quản lý Nhà nước.

[9.3] Căn cứ Điều 49 Luật Đất đai năm 1993 quy định những trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Điều 99, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 các ông cũng không đủ điều kiện.

[10] Mặc khác, ngày 20/9/2011, UBND tỉnh có Quyết định số 2941/QĐ-UBND giao diện tích 60.813m² cho **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ** để sử dụng vào mục đích xây dựng thao trường huấn luyện dự bị động viên và dân quân tự vệ.

[11] Ngày 04/10/2011, **Sở T2** cấp Giấy CNQSD đất cho **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ** với tổng diện tích 60.813m², tại thửa số 28, tờ bản đồ số 11 (được hợp thửa từ thửa 28 và thửa 44); đất tọa lạc **xã A, huyện Đ**.

[12] Ngày 31/5/2012, **UBND xã A** lập biên bản yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất đã được giao lại cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện, nhưng các hộ không đồng ý và tiếp tục sử dụng đất. Kể từ ngày 31/5/2012 khi **UBND xã A** lập biên bản yêu cầu 03 hộ dân ngưng sản xuất trên phần đất thửa số 28, tờ bản đồ số 11 đã được giao lại cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện nhưng các hộ gia đình ông **M**, ông **C**, ông **S** vẫn không ngưng cho nên không thể nói đất sử dụng ổn định không tranh chấp để cho rằng có quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[13] Luật sư bảo vệ quyền lợi cho rằng lý do giao cho **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ** không còn nhưng như nhận định trên các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C** và ông **Nguyễn Văn S** không đủ điều quy định tại Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 và không có các loại giấy tờ khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, sau khi **Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đ** giao lại thì Diện tích đất nằm trong dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng **khu công nghiệp L** đã kê biên.

[14] Chủ tịch **UBND huyện Đ** ban hành Quyết định số 7671/QĐ-CT không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại **xã A** theo yêu cầu của ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C** và ông **Nguyễn Văn S** là có căn cứ. Từ đó Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh L** giải quyết khiếu nại lần hai của các ông **Phan Văn M**, ông **Nguyễn Văn C** và ông **Nguyễn Văn S**, không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại **xã A** là đúng.

[15] Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S cũng như đề nghị của Luật sư đề nghị hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần 1; Hủy Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L giải quyết khiếu nại lần 2 của các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S về việc không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S như phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[16] Về chi phí thẩm định, đo đạc: những người khởi kiện phải chịu, đã nộp xong

[17] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Điều 348 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, ông Phan Văn M thuộc diện cao tuổi được miễn; Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn C là thương binh theo pháp lệnh người có công được miễn. Người khởi kiện không nộp tạm ứng án phí nên không tuyên hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 358 và Điều 348 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 99, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S đối với Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L về việc “yêu cầu hủy quyết định hành chính”.

Bác khởi kiện của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn S yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 7671/QĐ-CT ngày Chủ tịch UBND huyện Đ về việc không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A, huyện Đ, Long An.

- Hội Quyết định số 7521/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L giải quyết khiếu nại lần hai về việc không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 28 tại xã A, huyện Đ, Long An.

2. Về chi phí thẩm định, đo đạc: 8.746.000đồng, các ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S liên đới chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí Hành chính sơ thẩm: Ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn S thuộc diện miễn, không phải chịu.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán